TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 248/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng

2. Bà Nguyễn Kim Lên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 521/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 295/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 253/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị U** – sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N** – sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/7/2019, nguyên đơn chị Nguyễn Thị U trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị và anh N sống chung với nhau từ năm 1983, có làm đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, hôn nhân tự nguyện. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống vợ chồng không hòa hợp được với nhau, quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên xảy mâu thuẫn, chị không quan tâm chăm sóc gia đình. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, chị xác định tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

- *Về con chung*: Anh chị có 04 người con chung tên Nguyễn Thùy T - sinh năm 1983, Nguyễn Thị C – sinh năm 1985, Nguyễn Huyền Tr – sinh năm 1990 và Nguyễn Văn D - sinh năm 1998. Hiện các con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không

yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do bận công việc riêng không thể tham dự phiên tòa, chị yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt theo quy định; chị vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày của mình.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Nguyễn Văn N đúng theo quy định pháp luật nhưng anh N không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng*:* Bị đơn anh Nguyễn Văn N có nơi trú tại ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị U khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh N nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn " theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị U là người khởi kiện, anh N là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự chị U là nguyên đơn, anh N là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị U vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên chị có yêu cầu được xét xử vắng mặt. Anh N đã được tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai những vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1983, chị U và anh N sống chung với nhau là hoàn toàn tự nguyện, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không có cơ sở công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị U và anh N. Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị U xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh N và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị U được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Anh chị có 04 người con chung, cháu tên Nguyễn Thùy T - sinh năm 1983, Nguyễn Thị C – sinh năm 1985, Nguyễn Huyền Tr – sinh năm 1990 và Nguyễn Văn D - sinh năm 1998, các cháu đã trưởng thành, có cuộc sống riêng không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị U xác định tài sản chung tự thõa thuận với anh N và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị U phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, chị có dự nộp 300.000 đồng. Anh N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị U về việc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Văn N.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị U phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Chị có nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003500 ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, chị Nguyễn Thị U không phải nộp tiếp.

Án xử công khai, chị Nguyễn Thị U, anh Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT và THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp